

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 21- 12 - 2021

*“V/việc ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Tuyết

2. Bà Trần Thị Kim Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Tống Mạnh Hà – Thư ký Tòa án thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Bằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại Hội trường xét xử số 3, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 477/2021/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2021/QĐXX-ST ngày 15 tháng 11 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 234/2021/QĐST – HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Phạm Thu H

Sinh năm: 1992

Nơi ĐKKHKT: tổ 3, khu T1, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

Chỗ ở hiện nay: khu tập thể Gốm Viglacera, tổ 22, khu 2, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh..

Có mặt.

- Bị đơn: anh Lê Đức K

Sinh năm: 1992

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: tổ 3, khu T1, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt (Lần 2, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Phạm Thu H trình bày có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thu H và anh Lê Đức K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 26/9/2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H (nay là phường H, thành phố H), tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến tháng 5 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, dẫn đến thường xuyên cãi vã và không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn đã được hai bên nói chuyện nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện Chị H và anh K đã sống ly thân một thời gian từ tháng 3/2021 đến nay, không ai còn quan tâm, thương yêu chăm sóc lẫn nhau, người nào chỉ biết bỏn phận người ấy. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị Hyêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đức K.

Về con chung: Giữa Chị H và anh Lê Đức K có 01 người con chung là cháu Lê Phạm Minh K, sinh ngày 25/3/2019, hiện cháu K đang ở với mẹ là chị H. Khi ly hôn Chị H đề nghị giao con chung là cháu Lê Phạm Minh K cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu K thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, khoản nợ chung: Chị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Đức K mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, không có quan điểm giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh ngày 19/10/2021 ông Vũ Văn Ngà - Tổ trưởng tổ 3, khu Trới 1, phường H, thành phố H cho biết: Chị H và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 26/9/2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H (Nay là phường H, thành phố H), tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vào đến khoảng tháng 5/2020 giữa Chị H và anh K phát sinh mâu thuẫn, hiện Chị H và anh K hiện đã sống ly thân từ khoảng tháng 3/2021 đến nay, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, người nào chỉ biết bỏn phận người ấy. Về con chung: giữa Chị H và anh Lê Đức K có 01 người con chung là cháu Lê Phạm Minh K, sinh ngày 25/3/2019, hiện cháu K đang ở với chị H.

Tại phiên tòa nguyên đơn là chị Phạm Thu H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với bị đơn là anh Lê Đức K và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án nguyên

đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa để giải quyết vụ án, chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của của chị Phạm Thu H với anh Lê Đức K.

Về con chung: đề nghị giao con chung là cháu Lê Phạm Minh K, sinh ngày 25/3/2019 cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu K thành niên (đủ 18 tuổi), anh K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Phạm Thu H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Đức K và đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi con khi ly hôn nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: tổ 3, khu T1, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Lê Đức K mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào bản tự khai của đương sự, biên bản xác minh và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thu H và anh Lê Đức K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 26/9/2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H (nay là phường H, thành phố H), tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn thời gian đầu Chị H và anh K chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng tháng 5 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã, hai bên đã nói chuyện nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện Chị H và anh K đã sống ly thân được một thời gian từ khoảng tháng 3 năm 2021 đến nay, không ai còn thương yêu, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa Chị H và anh K đã kéo dài và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, người nào chỉ biết bỏn phận người ấy. Do vậy Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thu H. Chị H được ly hôn với anh Lê Đức K theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Giữa Chị H và anh Lê Đức K có 01 người con chung là cháu Lê Phạm Minh K, sinh ngày 25/3/2019, hiện cháu K đang ở với mẹ là chị H. Xét thấy cháu K còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi, hiện đang do Chị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, Chị H đang làm kế toán tại Trung tâm sát hạch lái xe và giám sát giao thông vận tải đường bộ Quảng Ninh, có đủ điều kiện để nuôi con chung. Do vậy cần giao con chung là cháu Lê Phạm Minh K, sinh ngày 25/3/2019 cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu K thành niên (đủ 18 tuổi), anh K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh K có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thu H phải chịu án phí hôn ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 264; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng: khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là chị Phạm Thu H với bị đơn là anh Lê Đức K.

Chị Phạm Thu H được ly hôn với anh Lê Đức K.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Phạm Minh K, sinh ngày 25/3/2019 cho chị Phạm Thu H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu K thành niên (đủ 18 tuổi), anh K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh K có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục con chung.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Buộc nguyên đơn là chị Phạm Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí Chị H đã

nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: 0003859 ngày 03 tháng 8 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo. Nguyên đơn là chị Phạm Thu H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn là anh Lê Đức K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND tp H;*
- *Chi cục THADS tp H;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *UBND p.Hoành Bồ, tp H;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, vp.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hùng